

Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển (2024)
Lĩnh vực nghệ thuật			
Thanh nhạc	N00	40	-
Thiết kế đồ họa	H00, H01, H02, H04, H06, H07, V00	60	-
Các ngành thuộc lĩnh vực Nghệ thuật xét tuyển kết hợp bằng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu			
Lĩnh vực nhân văn			
Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15	180	24.58
Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, D04, D14, D15, D65, D45	140	25.40
Ngôn ngữ Nhật	D01, D06, D14, D15, D63, D43	140	23.02
Ngôn ngữ Hàn Quốc	D01, DD2, D14, D15, DH5, DH1	160	24.75
Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi			
Kinh tế quốc tế	(A00, A01, D01, D07, D09, D10, CXD1)*	120	23.80
Việt Nam học	C00, D01, D14, D15	80	23.75
Lĩnh vực báo chí và thông tin			
Truyền thông đa phương tiện	A00, A01, C00, D01, D14, D15	180	26.52
Lĩnh vực kinh doanh và quản lý			
Quản trị kinh doanh	(A00, A01, D01, D07, D09, D10, CXD1)*	200	23.61
Marketing		120	24.97
Thương mại điện tử		70	25.00
Tài chính - Ngân hàng		160	24.31
Kế toán		160	23.86
Lĩnh vực pháp luật			
Luật kinh tế	A00, A01, C00, D01, CXD1, D14, D15	120	25.80
Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin			
Khoa học máy tính	(A00, A01, D01, D07, CXD2, CXD3, CXD4, CXD5)*	70	22.00
Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		35	-
Hệ thống thông tin		35	-
Trí tuệ nhân tạo		70	22.00
Công nghệ thông tin		210	22.00
Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật			
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	(A00, A01, D01, D07, D09, D10)*	150	24.49
Lĩnh vực sức khỏe			
Điều dưỡng	A00, B00, B03, C02, D07	200	19.00
Lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, B00, B03, C02, D01, D07, D09, D10	150	23.33
Quản trị khách sạn	A00, A01, D01, D07, D09, D10	150	22.85

- Điểm trúng tuyển năm 2024 của phương thức 1 (xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, được tính theo thang điểm 30).
- Học phí trung bình dự kiến năm học 2025 - 2026: 30-50 triệu đồng (lộ trình tăng học phí tối đa 15%/năm).
- (*) Các tổ hợp có môn Toán nhân hệ số 2.

CÁC TỔ HỢP XÉT TUYỂN

A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)	B00 (Toán, Hóa học, Sinh học)	B03 (Toán, Ngữ văn, Sinh học)
C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý)	C02 (Toán, Hóa học, Ngữ văn)	D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh)	D04 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung)
D06 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật)	D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)	D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh)	D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh)
D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh)	D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)	D43 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Nhật)	D45 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung)
D63 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật)	D65 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung)	DD2 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn)	DH1 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Hàn)
DH5 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Hàn)	H01 (Toán, Ngữ văn, Vẽ)	H04 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ năng khiếu 2)	H06 (Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật)
H07 (Toán, Hình họa, Trang trí)	N00 (Ngữ văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)	H02 (Toán, Vẽ hình họa mỹ thuật, Vẽ trang trí màu)	V00 (Toán, Vật lý, Vẽ hình họa mỹ thuật)
H00 (Ngữ văn, Năng khiếu vẽ nghệ thuật 1, Năng khiếu vẽ nghệ thuật 2)		CXD2 (Toán, Tiếng Anh, Công nghệ)	CXD3 (Toán, Vật lý, Công nghệ)
CXD1 (Ngữ văn, Toán, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật)			
CXD4 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)	CXD5 (Toán, Vật lý, Tin học)		

Các tổ hợp từ **CXD1-CXD5**: Đây là mã tổ hợp do Trường Đại học Thăng Long quy ước tạm thời, chưa phải mã chính thức do Bộ GD&ĐT quy định

01

Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Áp dụng cho tất cả các ngành (trừ ngành Thanh nhạc, Thiết kế đồ họa)

Xét tuyển thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Thăng Long quy định.

02

Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hạn sử dụng

Áp dụng cho tất cả các ngành (trừ ngành Thanh nhạc, Thiết kế đồ họa)

IELTS

TOEFL iBT

HSK, HSKK

JLPT

TOPIK

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bao gồm điểm ngoại ngữ quy đổi và 02 đầu điểm của hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển.
- Điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi sang thang điểm 10
- Bảng quy đổi chứng chỉ sẽ công bố trong Đề án tuyển sinh chính thức của Trường.

03

Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy còn hạn sử dụng

Áp dụng cho tất cả các ngành (trừ ngành Thanh nhạc, Thiết kế đồ họa, Điều dưỡng)

- Kết quả bài thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (HSA).
- Kết quả bài thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (TSA).
- Kết quả bài thi đánh giá năng lực do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức (SPT).

04

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ)

Ngành xét tuyển: Điều dưỡng

- Học lực cấp THPT đạt loại **Khá** hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ **6.5 trở lên**.
- Không có đầu điểm nào **dưới 5.0**, hạnh kiểm lớp 12 đạt loại **Khá** trở lên.
- Có kết quả học tập trung bình các lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu từ **19.5/30 điểm** trở lên.

05

Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) và điểm thi năng khiếu

Ngành xét tuyển: Thanh nhạc, Thiết kế đồ họa

	Ngành Thanh nhạc	Ngành Thiết kế đồ họa
Kết quả học tập trung bình 3 năm học THPT	Ngữ văn ≥ 5.0	Ngữ Văn/Toán ≥ 5.0
Cách thức thi năng khiếu	Trường Đại học Thăng Long tổ chức	Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Khoa Kiến trúc) tổ chức
Điểm thi năng khiếu (NK)	NK1 ≥ 8.0 , NK2 ≥ 5.0	NK ≥ 5.0
Hạnh kiểm lớp 12	Đạt loại Khá trở lên	